

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp

Số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tâm Thịnh
Bà Đào Thị Minh Huệ
Ông Nguyễn Ngọc Thảo

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Văn Mẫn
Bà Đường Thị Ngọc Ân
Bà Nguyễn Nhã Uyên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Lê Như Phước An

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Tâm Thịnh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

7A/68 Thành Thái, Phường 14, Quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 28. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Nguyễn Tâm Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 21 tháng 6 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Trung Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 6 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1

Báo cáo kiểm toán số: HCM12241
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.437.132.064	5.000.000
110	Tiền	3	117.702.629	1.891.015
111	Tiền		117.702.629	1.891.015
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		12.317.545.206	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	11.950.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	367.545.206	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.884.229	3.108.985
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.884.229	2.826.349
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	7(b)	-	282.636
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		9.071.049.770.000	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn	4	9.071.049.770.000	-
251	Đầu tư vào công ty con		7.790.049.770.000	-
252	Đầu tư vào công ty liên kết		1.281.000.000.000	-
270	TỔNG TÀI SẢN		<u>9.083.486.902.064</u>	<u>5.000.000</u>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		103.047.169	5.000.000
310	Nợ ngắn hạn		103.047.169	5.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 7(a)		93.147.169	-
314	Phải trả người lao động		9.900.000	-
319	Phải trả ngắn hạn khác		-	5.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.083.383.854.895	-
410	Vốn chủ sở hữu		9.083.383.854.895	-
411	Vốn góp của chủ sở hữu	8, 9	9.083.049.770.000	-
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.083.049.770.000	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	9	334.084.895	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		334.084.895	-
440	TỔNG NGUỒN VỐN		9.083.486.902.064	5.000.000



Đinh Thị Hoàng Anh
Người lập



Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 21 tháng 6 năm 2022

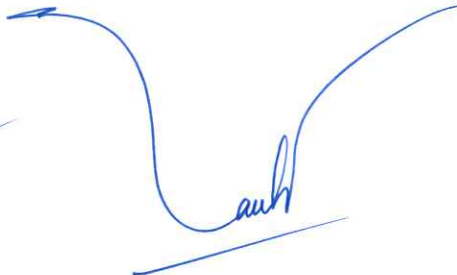
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng	10	8.447.565.170	-
11	Giá vốn hàng bán	11	(8.363.939.354)	-
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng		83.625.816	-
21	Doanh thu hoạt động tài chính	12	367.600.446	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	(33.620.143)	-
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		417.606.119	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		417.606.119	-
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	14	(83.521.224)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		334.084.895	-



Đinh Thị Hoàng Anh
Người lập



Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 21 tháng 6 năm 2022


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	417.606.119	-
	Điều chỉnh cho khoản:		
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(367.600.446)	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	50.005.673	-
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	282.636	(282.636)
11	Tăng các khoản phải trả	14.525.945	5.000.000
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	942.120	(2.826.349)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	65.756.374	1.891.015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay	(11.950.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.240	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(11.949.944.760)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	12.000.000.000	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	12.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	115.811.614	1.891.015
60	Tiền đầu năm/kỳ	3	1.891.015
70	Tiền cuối năm/kỳ	3	117.702.629



Đinh Thị Hoàng Anh
Người lập



Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 21 tháng 6 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 28 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Năng Lượng Tái Tạo Trung Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2020 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 12 năm 2021.

Cổ đông của Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam, một công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam và các cá nhân. Chi tiết về các cổ đông được trình bày tại Thuyết minh 8(b).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sửa chữa thiết bị điện, xây dựng công trình điện, lắp đặt hệ thống điện, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 : không có nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 8 công ty con và 1 công ty liên kết như được trình bày ở Thuyết minh 4 - Đầu tư tài chính dài hạn. Chi tiết như sau:

Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2021		31.12.2020	
		Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam	Tỉnh Lâm Đồng	97,86	97,86	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam	Tỉnh Ninh Thuận	64,40	64,40	-	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam	Tỉnh Ninh Thuận	50,90	50,90	-	-
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	Tỉnh Ninh Thuận	100	100	-	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	99,93	99,93	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam	Tỉnh Ninh Thuận	99,81	99,81	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô	Tỉnh Lâm Đồng	59,71	59,71	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1	Tỉnh Trà Vinh	98,64	99,92	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắk Lắk 1	Tỉnh Đắk Lắk	33,71	33,71	-	-

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 26 tháng 10 năm 2020 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, số liệu tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 không có tính so sánh.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên kết

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đến hạn thu hồi.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Ước tính kế toán quan trọng**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Chủ tịch Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	-	1.391.000
Tiền gửi ngân hàng	117.702.629	500.015
	<u>117.702.629</u>	<u>1.891.015</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31.12.2021			31.12.2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Đầu tư vào công ty con						
(i) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam	1.280.662.820.000	(*)	-	-	-	-
(ii) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam	1.149.706.400.000	(*)	-	-	-	-
(iii) Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam	509.000.000.000	(*)	-	-	-	-
(iv) Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	2.411.409.000.000	(*)	-	-	-	-
(v) Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh	1.499.000.000.000	(*)	-	-	-	-
(vi) Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam	520.700.000.000	(*)	-	-	-	-
(vii) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nó	372.571.550.000	(*)	-	-	-	-
(viii) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1	47.000.000.000	(*)	-	-	-	-
	<u>7.790.049.770.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
(b) Đầu tư vào công ty liên kết						
(ix) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắk Lắk 1	1.281.000.000.000	(*)	-	-	-	-
	<u>1.281.000.000.000</u>	<u>(*)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa có đủ các thông tin cần thiết để xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 5800534680 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 2 tháng 8 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam là sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- (ii) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500457039 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 24 tháng 9 năm 2010. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam là sản xuất và kinh doanh điện gió.
- (iii) Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500614943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 6 năm 2017. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam là sản xuất và kinh doanh điện mặt trời.
- (iv) Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500622398 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 2100639202 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2018. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh là sản xuất và kinh doanh điện mặt trời.
- (vi) Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500638863 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 6 tháng 4 năm 2020. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam là sản xuất và kinh doanh điện gió.
- (vii) Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 5800595757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 8 tháng 12 năm 2008. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô là sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- (viii) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 2100649659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1 là sản xuất và kinh doanh điện gió.
- (ix) Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắc Lắc 1 được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 4500622415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắc Lắc cấp ngày 18 tháng 4 năm 2018. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắc Lắc 1 là sản xuất và kinh doanh điện gió.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TRUNG NAM

Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Cho bên liên quan vay (Thuyết minh 16(b))	-	11.950.000.000	-	11.950.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thể hiện các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam – Công ty mẹ cao nhất, liên quan đến các hợp đồng cho vay tín chấp ngắn hạn để tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay hạn mức số 0502/021/HDVHM/TCKT/TNG-TNEG ngày 5 tháng 2 năm 2021 và phụ lục số PL01/0502/021/HDVHM/TCKT/TNG-TNEG ngày 1 tháng 9 năm 2021. Hạn mức cho vay là 100 tỷ Đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 1 tháng và được tự động gia hạn thêm đúng bằng thời hạn duy trì hạn mức nếu Công ty chưa có nhu cầu thu hồi gốc cho vay tại thời điểm đáo hạn hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 4%/năm đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 và 2%/năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 2.000.000.000 Đồng. Khoản phải thu cho vay này đã được thu hồi trong quý 1 năm 2022
- Khoản cho vay tín chấp ngắn hạn theo Hợp đồng vay tiền số 2201/021/HDVT/TCKT/TNG-TNEG ngày 22 tháng 1 năm 2021 và phụ lục số PL01/2201/021/HDVT/TCKT/TNG-TNEG ngày 1 tháng 9 năm 2021. Số tiền cho vay là 9.950.000.000 Đồng. Thời hạn cho vay là 1 tháng kể từ ngày 22 tháng 1 năm 2021 và được tự động gia hạn thêm đúng bằng thời hạn cho vay nếu Công ty chưa có nhu cầu thu hồi gốc vay tại thời điểm đáo hạn hợp đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là 4%/năm đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 và 2%/năm kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2021. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư cho vay theo hợp đồng này là 9.950.000.000 Đồng. Khoản phải thu cho vay này đã được thu hồi trong quý 1 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Lãi phải thu cho vay (Thuyết minh 16(b))	367.545.206	-

7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp/phải thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải nộp					
Thuế GTGT	-	844.756.517	-	(836.780.572)	7.975.945
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.650.000	-	-	1.650.000
Thuế TNDN	-	83.521.224	-	-	83.521.224
Khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	-	932.927.741	(3.000.000)	(836.780.572)	93.147.169
(b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	282.636	836.497.936	-	(836.780.572)	-

8 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2021 Cổ phiếu phổ thông	2020 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	908.304.977	321.123.437
Số lượng cổ phiếu đã phát hành (Thuyết minh 8(c))	908.304.977	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	908.304.977	-

8 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	6.741.345.020.000	74,2	-	-
Bà Đào Thị Minh Huệ	752.537.000.000	8,3	-	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	246.497.500.000	2,7	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	229.570.000.000	2,5	-	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	542.885.000.000	6,0	-	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	570.215.250.000	6,3	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.083.049.770.000	100	-	-

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-
Cổ phiếu mới phát hành (*)	908.304.977	9.083.049.770.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	908.304.977	9.083.049.770.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 10 năm 2020, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 3.211.234.370.000 Đồng, tương đương 321.123.437 cổ phiếu (Thuyết minh 8(a)), mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số lượng cổ phiếu này chưa được lưu hành.

Trong năm 2021, theo Nghị quyết số 392A/021/NQ/TNG ngày 7 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết số 609D/021/NQ/TNG ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0316559203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 3.211.234.370.000 Đồng lên 9.083.049.770.000 Đồng, đồng thời các cổ đông của Công ty đã thực hiện góp đủ vốn điều lệ, trong đó góp bằng tiền là 12.000.000.000 Đồng và góp bằng tài sản là cổ phần thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty tương đương 9.071.049.770.000 Đồng. Tại ngày bảng cân đối kế toán riêng, số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành là 908.304.977 cổ phiếu.

9 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	-
Vốn tăng trong năm (Thuyết minh 8(c))	9.083.049.770.000	-	9.083.049.770.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	334.084.895	334.084.895
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>9.083.049.770.000</u>	<u>334.084.895</u>	<u>9.083.383.854.895</u>

10 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Doanh thu thuần về bán hàng hoá	<u>8.447.565.170</u>	<u>-</u>

11 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	<u>8.363.939.354</u>	<u>-</u>

12 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Lãi tiền cho vay (Thuyết minh 16(a))	367.545.206	-
Lãi tiền gửi	55.240	-
	<u>367.600.446</u>	<u>-</u>

13 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Chi phí nhân viên	26.400.000	-
Khác	7.220.143	-
	<u>33.620.143</u>	<u>-</u>

14 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	417.606.119	-
Thuế tính ở thuế suất 20%	83.521.224	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>83.521.224</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng: Thuế TNDN - hiện hành	<u>83.521.224</u>	<u>-</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm/kỳ tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

15 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm/kỳ từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
Chi phí nhân viên	26.400.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.040.000	-
Chi phí khác	6.180.143	-
	<u>33.620.143</u>	<u>-</u>

16 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do chiếm 74,2% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam, một công ty cũng được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong năm/kỳ, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	Công ty mẹ
Bà Đào Thị Minh Huệ	Cổ đông
Ông Nguyễn Đăng Nhân	Cổ đông
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Cổ đông
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	Cổ đông
Ông Nguyễn Tâm Tiến	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam	Công ty con (từ ngày 1 tháng 11 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh	Công ty con (từ ngày 7 tháng 10 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô	Công ty con (từ ngày 7 tháng 10 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắk Lắk 1	Công ty liên kết (từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)

16 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
i) Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	8.363.939.354	-
ii) Hoạt động tài chính		
Cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	11.950.000.000	-
Lãi từ cho vay (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	367.545.206	-
iii) Giao dịch góp vốn (Thuyết minh 8(c))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam (*)	2.671.229.620.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam (*)	4.070.115.400.000	-
Bà Đào Thị Minh Huệ	752.537.000.000	-
Ông Nguyễn Đăng Nhân	246.497.500.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	229.570.000.000	-
Ông Nguyễn Tâm Thịnh	542.885.000.000	-
Ông Nguyễn Tâm Tiến	570.215.250.000	-
	<u>9.083.049.770.000</u>	<u>-</u>

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 10/021/BBTT/BKT ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam thực hiện tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam bằng toàn bộ phần vốn góp đang nắm giữ tại Công ty với giá trị 2.671.229.620.000 Đồng, tương đương 29,41% vốn điều lệ Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp nêu trên cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tại ngày bảng cân đối kế toán riêng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam sở hữu 74,2% vốn điều lệ Công ty, tương đương 6.741.345.020.000 Đồng.

16 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021 VND	Giai đoạn từ 26.10.2020 đến 31.12.2020 VND
iv) Giao dịch đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam	1.280.662.820.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam	1.149.706.400.000	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam	509.000.000.000	-
Công ty TNHH Điện Mặt Trời Trung Nam Thuận Nam	2.411.409.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Trung Nam Trà Vinh	1.499.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Phước Hữu Trung Nam	520.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Nam Krông Nô	372.571.550.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Trà Vinh 1	47.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gió Trung Nam Đắk Lắk 1	1.281.000.000.000	-
	<u>9.071.049.770.000</u>	<u>-</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>11.950.000.000</u>	<u>-</u>
ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	<u>367.545.206</u>	<u>-</u>

17 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, do vậy Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo tài chính riêng đã được Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê chuẩn ngày 21 tháng 6 năm 2022.

Đinh Thị Hoàng Anh
Người lập

Đinh Tấn Phi
Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Thịnh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

